

**CÔNG TY CỔ PHẦN HK REAL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HK REAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HK REAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HK REAL JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703056227

**3. Ngày thành lập:** 29/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 194 Huỳnh Văn Cù, Khu phố Chánh Lộc 2, Phường Chánh Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0919858591

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                       | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                              | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                              | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                         | 4390        |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết : Đại lý, môi giới hàng hóa                                                                  | 4610        |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                      | 4620        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                          | 4649        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                             | 4659        |
| 9.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                | 4661        |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                         | 4662        |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                     | 4663        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)<br>Chi tiết : Hoạt động dịch vụ tư vấn tài chính. | 6499        |
| 13. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                       | 6810(Chính) |
| 14. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết : Tư vấn , môi giới bất động sản                              | 6820        |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                    | 7020        |
| 16. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                         | 7110        |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                              | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                               |                                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 18. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết : Kinh doanh nhà nghỉ, Khách sạn                                                                                                                                                                        | 5510                                                         |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                              | 5610                                                         |
| 20. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                          | 5629                                                         |
| 21. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                       | 5630                                                         |
| 22. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                             | 4101                                                         |
| 23. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                       | 4102                                                         |
| 24. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                  | 4212                                                         |
| 25. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                             | 4229                                                         |
| 26. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                    | 4299                                                         |
| 27. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                        | 4311                                                         |
| 28. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                             | 4312                                                         |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                         | 4321                                                         |
| 30. | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                        | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐẶNG THỊ<br>TRÀ MY | 183/7/23 Đường<br>ĐX122, Khu 5,<br>Phường Tân An,<br>Thành phố Thủ<br>Dầu Một, Tỉnh<br>Bình Dương, Việt<br>Nam            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000       | 2.000.000.000            | 2,000        | 241071533                                                                                                              |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Tổng số                            | 200.000       | 2.000.000.000            | 2,000        |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>ĐỨC HÙNG | Số 7 Đường<br>Yersin, Tổ 22,<br>Khu 2, Phường<br>Hiệp Thành,<br>Thành phố Thủ<br>Dầu Một, Tỉnh<br>Bình Dương, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000       | 2.000.000.000            | 2,000        | 0740840046<br>97                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Tổng số                            | 200.000       | 2.000.000.000            | 2,000        |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                                                              |                                    |               |                |        |           |
|---|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|----------------|--------|-----------|
| 3 | HOÀNG<br>MỘNG CHINH | 1122 Đường<br>Huỳnh Văn Lũy,<br>tổ 44, Khu 8,<br>Phường Phú Mỹ,<br>Thành phố Thủ<br>Dầu Một, Tỉnh<br>Bình Dương, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 9.600.0<br>00 | 96.000.000.000 | 96,000 | 280552425 |
|   |                     |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |           |
|   |                     |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |           |
|   |                     |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |           |
|   |                     |                                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |           |
|   |                     |                                                                                                                              | Tổng số                            | 9.600.0<br>00 | 96.000.000.000 | 96,000 |           |
|   |                     |                                                                                                                              |                                    |               |                |        |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 074084004697

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Số 7 Đường Yersin, Tổ 22, Khu 2, Phường Hiệp Thành, Thành phố  
Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 7 Đường Yersin, Tổ 22, Khu 2, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ  
Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương